TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/HNGĐ-ST
Ngày 16-3-2022
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Hà Nam

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Phi Hùng

Ông Đặng Công Thắng

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Đình Nam, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trâm - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 15/2021/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2021 về việc ly hôn; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Quang T; sinh năm 1974; cư trú tại: đường T, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam. Có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Hoang Nguyen Bich H; sinh năm 1984; cư trú tại: Hoa Kỳ. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Lê Quang T, trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Hoang Nguyen Bich H tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 25-3-2016. Một tuần sau thì bà H trở về Hoa Kỳ còn ông thì vẫn ở Việt Nam và làm thủ tục đoàn tụ với bà H; tuy nhiên, đến đầu năm 2018 thì bà H nói ly hôn và hủy thủ tục bảo lãnh đoàn tụ, rồi cắt đứt liên lạc với ông cho

đến nay. Nay ông xác định là không còn tình cảm vợ chồng với nhau nữa nên nguyện vọng của ông là được ly hôn với bà H.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Ông và bà Hoang Nguyen Bich H không có con, tài sản và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Hoang Nguyen Bich H không có văn bản phản hồi cho Tòa án về yêu cầu xin ly hôn của ông Lê Quang T, cũng như không đến tham gia tố tụng tại Tòa án.

Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, là tuân thủ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, Điều 126 và Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Lê Quang T đối với bà Hoang Nguyen Bich H.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn ông Lê Quang T là công dân Việt Nam; có địa chỉ cư trú tại đường T, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam và bị đơn bà Hoang Nguyen Bich H; cư trú tại địa chỉ: Hoa Kỳ, nên vụ án về ly hôn thuộc thẩm quyền chung của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, Việt Nam, theo quy định tại các Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40, Điều 464 và Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc cấp tống đạt, thông báo văn bản tố tụng của Tòa án cho đương sự ở nước ngoài là bị đơn bà Hoang Nguyen Bich H bằng đường ngoại giao theo pháp luật tương trợ tư pháp. Cụ thể, Tòa án đã ủy thác cho Cơ quan có thẩm quyền của Hoa Kỳ cấp tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án về yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Lê Quang T đối với bà H và yêu cầu bà H gửi văn bản phản hồi cho Tòa án; đồng thời, thông báo về thời gian, địa điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa

giải; cũng như thông báo về thời gian, địa điểm mở phiên tòa, theo quy định tại Điều 474 và Điều 476 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Ngày 20-10-2021, Cơ quan có thẩm quyền Hoa Kỳ là ABC Legal đã tống đạt trực tiếp văn bản của Tòa án cho bà Hoang Nguyen Bich H. Trong quá trình giải quyết vụ án thì bà H không đến Tòa án để tham gia tố tụng, cũng như không gửi lời khai, tài liệu, chứng cứ cho Tòa án và đến ngày mở phiên tòa lần thứ nhất thì bà H cũng không có mặt nên Tòa án đã hoãn phiên tòa lần thứ nhất, theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa mở lần thứ hai bà H vẫn không có mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án, theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn bà Hoang Nguyen Bich H của ông Lê Quang T thì thấy, do mỗi người ở một nơi, vợ chồng không thể sống gần nhau để yêu thương, chăm sóc cho nhau và cho gia đình, nên tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Đến nay, ông T xác định không còn tình cảm vợ chồng đối với nhau nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn bà H của ông T là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[5] Về con chung; tài sản chung; nợ chung: Ông Lê Quang T và bà Hoang Nguyen Bich H không có con chung; không có tài sản chung; không có nợ chung, nên Tòa án không đề cập giải quyết.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình ông Lê Quang T phải chịu, theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[7] Phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài ông Lê Quang T phải chịu, theo quy định tại Điều 153 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 122, Điều 123, Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40, Điều 147, Điều 153, Điều 464, Điều 469, khoản 1, khoản 3, điểm a khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Lê Quang T đối với ông bà Hoang Nguyen Bich H.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Lê Quang T được ly hôn với bà Hoang Nguyen Bich H.

2. Về án phí dân sự: Ông Lê Quang T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002844 ngày 19 tháng 3 năm 2021 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng; ông T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài: Ông Lê Quang T phải chịu 200.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài 200.000 đồng theo biên lai số 0002848 ngày 26 tháng 3 năm 2021, của Cục thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng; ông T đã nộp đủ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài.

4. Về chi phí thực tế thực hiện ủy thác tư pháp thanh toán cho cơ quan được ủy thác tư pháp: Ông Lê Quang T phải chịu 2.524.650 đồng, ông T đã nộp tiền và đã chi thanh toán cho Công ty ABC Legal Services, Hoa Kỳ, theo Chứng từ ngày 26-3-2021 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, Chi nhánh thành phố Đà Nẵng.

5. Về quyền kháng cáo: Ông Lê Quang T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bà Hoang Nguyen Bich H không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Đà Nẵng;
- Ủy ban nhân dân quận Thanh Khê;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Ngô Hà Nam